

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, nguyên liệu sản xuất vôi công nghiệp, nguyên liệu sản xuất xi măng và vật liệu san lấp tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH Xây dựng giao thông thuỷ lợi Giang Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau; Thông tư 05/2020/TT-BTC ngày 20/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 248/GP-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh; Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung trong Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 248/GP-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 25/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Hang Dơi, xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá;

Căn cứ Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường và khoáng sản đi kèm trong “Báo cáo kết quả thăm dò bổ sung khoáng sản đá vôi có hàm lượng $\text{CaCO}_3 \geq 85\%$ trong phạm vi Giấy phép khai thác khoáng sản số 248/GP-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2018 tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa”;

Căn cứ Công văn số 4129/BTNMT-KSVN ngày 05/6/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn việc xác định trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác và thời điểm tính, trình phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 952/TTr-STNMT ngày 07/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, nguyên liệu sản xuất vôi công nghiệp, nguyên liệu sản xuất xi măng và vật liệu san lấp tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Xây dựng giao thông thủy lợi Giang Sơn, gồm những nội dung chính như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty TNHH Xây dựng giao thông thủy lợi Giang Sơn.

- Địa chỉ: Thôn Ninh Sơn, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Mã số thuế: 2800783586.

2. Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

- $G_1 = G_{\text{tn}} \times K_{\text{qd}} = 77.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,475 = 113.575 \text{ đồng/m}^3$ đối với đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường;

- $G_2 = G_{\text{tn}} \times K_{\text{qd}} = 195.500 \text{ đồng/m}^3 \times 1,475 = 288.363 \text{ đồng/m}^3$ đối với đá vôi làm nguyên liệu sản xuất vôi công nghiệp;

- $G_3 = G_{\text{tn}} \times K_{\text{qd}} = 105.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,475 = 154.875 \text{ đồng/m}^3$ đối với đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng;

- $G_4 = G_{\text{tn}} \times K_{\text{qd}} = 49.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,290 = 63.210 \text{ đồng/m}^3$ đối với đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình.

3. Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

Tổng trữ lượng địa chất quy định trong Giấy phép: 5.404.384 m³, trong đó:

- Trữ lượng đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường đã khai thác từ trước ngày 01/01/2014 và trữ lượng đã phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 25/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh là 1.882.000 m³.

- Trữ lượng khoáng sản chưa được phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

$Q = 5.404.384 \text{ m}^3 - 1.882.000 \text{ m}^3 = 3.522.384 \text{ m}^3$, gồm:

+ Q_1 là trữ lượng đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường:

$$Q_1 = (984.031 \text{ m}^3 + 2.347.960 \text{ m}^3) - 1.882.000 \text{ m}^3 = 1.449.991 \text{ m}^3;$$

+ Q_2 là trữ lượng đá vôi làm nguyên liệu sản xuất vôi công nghiệp:

$$Q_2 = (121.506 \text{ m}^3 + 1.191.355 \text{ m}^3) = 1.312.861 \text{ m}^3;$$

+ Q_3 là trữ lượng đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng: $Q_3 = 630.567 \text{ m}^3$;

+ Q_4 là trữ lượng đất làm vật liệu san lấp: $Q_4 = 128.965 \text{ m}^3$.

4. Hệ số thu hồi khoáng sản theo phương pháp khai thác lộ thiên: $K_1 = 0,9$.

5. Hệ số điều kiện kinh tế xã hội: $K_2 = 1,0$.

6. Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

- $R_1 = 3\%$ [Các loại vật liệu xây dựng thông thường còn lại (trừ nguyên liệu sản xuất cát nghiền)];

- $R_2 = 1\%$ (Đá vôi dùng trong công nghiệp);

- $R_3 = 3\%$ (Đá vôi nguyên liệu xi măng).

7. Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp là:

$$T = (Q_1 \times G_1 \times K_1 \times K_2 \times R_1) + (Q_2 \times G_2 \times K_1 \times K_2 \times R_2) + (Q_3 \times G_3 \times K_1 \times K_2 \times R_3) + (Q_4 \times G_4 \times K_1 \times K_2 \times R_1) = (1.449.991 \text{ m}^3 \times 113.575 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 3\%) + (1.312.861 \text{ m}^3 \times 288.363 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 1\%) + (630.567 \text{ m}^3 \times 154.875 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 3\%) + (128.965 \text{ m}^3 \times 63.210 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 3\%) = 10.710.548.000 \text{ đồng (Bằng chữ: Mười tỷ, bảy trăm mười triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng)}.$$

8. Thời hạn khai thác khoáng sản theo Giấy phép tính từ ngày 27/7/2018 đến ngày 23/02/2033 (theo Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 248/GP-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh và Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung trong Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 248/GP-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh) là: $X = 14$ năm 7 tháng.

9. Số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là: $X/2 = 7$ lần (làm tròn).

10. Tổng số tiền phải nộp từ năm 2018 đến năm 2023 là: 9.001.960.581 đồng (Chín tỷ, không trăm linh một triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, năm trăm tám mươi một đồng).

Trong đó:

- Số tiền nộp lần đầu (năm 2018): $T_{ld} = T : (X:2) \times 30\%$.

$$T_{ld} = 10.710.548.000 \text{ đồng} : 7 \times 30\% = 459.023.486 \text{ đồng}.$$

- Số tiền nộp hàng năm từ lần thứ 02 đến lần thứ 06 (từ năm 2019-2023):
 $T_{hn} = (T - T_{ld}) : [(X:2) - 1]$.

$$T_{hn} = (10.710.548.000 \text{ đồng} - 459.023.486 \text{ đồng}) : (7 - 1) = 1.708.587.419 \text{ đồng}.$$

11. Số tiền phải nộp năm cuối cùng (năm 2024): 1.708.587.419 đồng (Một tỷ, bảy trăm linh tám triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, bốn trăm mười chín đồng).

12. Khu vực khai thác thuộc địa bàn xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan khác về tính chính xác của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

- Tham mưu điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) đối với Công ty TNHH Xây dựng giao thông thủy lợi Giang Sơn.

2. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa thông báo đến Công ty TNHH Xây dựng giao thông thủy lợi Giang Sơn về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Công ty TNHH Xây dựng giao thông thủy lợi Giang Sơn:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách nhà nước theo quy định.

- Sau khi kết thúc thời gian khai thác, nộp hồ sơ, sổ sách, chứng từ, tài liệu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế tại mỏ trên về Sở Tài nguyên và Môi trường; nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phát sinh (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn; Chủ tịch UBND xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn; Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng giao thông thủy lợi Giang Sơn; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTTC_{VN42566}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thi